

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/2/2021

V/v: « Ly hôn »

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Tiến ;
2. Ông Đỗ Khắc Kiêm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị H Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 2 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20 /2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn ” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1946

ĐKHKT: Đ, phường B, thành phố T.

Nơi ở hiện nay: T, phường N, thành phố T.

Bị đơn: Bà Ngô Thị P - Sinh năm 1950 (Vắng mặt)

ĐKHKT: Đ, phường B, thành phố T.

Nơi ở hiện nay: đường T, phường N, tp T.

Tại phiên tòa có mặt ông Đ vắng mặt bà P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và bà Ngô Thị P kết hôn với nhau vào năm 1983, có đăng ký kết hôn nhưng do bị thất lạc, đến ngày 15 tháng 5 năm 2013 đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn của vợ chồng ông đã đi hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay ông đi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

Về con chung: Ông đi và bà P có 02 con chung: Nguyễn Thị H sinh năm 1984 và Nguyễn Thị H2 sinh năm 1988 đã thành niên và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung : Ông đi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị P đã đi Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bà P từ chối và không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa. Do vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ông đi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà P đã đi Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử :

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp cũng như tư cách của những người tham gia tố tụng, các chứng cứ thu thập, thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu trong hạn luật định. Tổng đạt các văn bản cho VKS cũng như người tham gia tố tụng đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm, nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử.

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải đã cung cấp các tài liệu chứng cứ và có mặt theo giấy triệu tập, chấp hành các quyết định của Tòa án, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70,71 và 234 BLTTDS.

Đối với bị đơn: Đã đi Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa và không tham gia phiên tòa để thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70,72 và 234 của BLTTDS. Bị đơn đã đi tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật HNGĐ xử chấp nhận đơn ly hôn của ông Đ

Về con cái: Ông Đ và bà P có 02 con chung đã thành niên nên không giải quyết.

Về tài sản và công nợ : Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị P (bị đơn) đã Đ Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt đối với bà P.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp .

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống hay bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt, tình cảm vợ chồng không còn. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù đã Đ hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2020 cho đến nay hai bên đã sống ly thân điều này đã Đ thể hiện qua lời khai của ông Đ và xác nhận của chính quyền địa phương nơi hiện nay bà P cư trú. Nay ông Đ xin Đ ly hôn bà P, bà P thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt Đ . Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Đ xử cho ông Đ ly hôn bà Ngô Thị P .

[3] Về con chung: Ông Đ và bà P có 02 con chung: Nguyễn Thị H sinh năm 1984 và Nguyễn Thị H2 sinh năm 1988 đã thành niên và có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Ông Đ không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng ông là người cao tuổi nên Đ miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227,; 271; 273 BLTTDS. điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn Đ ly hôn bà Ngô Thị P.

Về con chung: Ông Đ và bà P có 02 con chung: Nguyễn Thị H sinh năm 1984 và Nguyễn Thị H2 sinh năm 1988 đã thành niên và có gia đình riêng, nên Tòa không giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Đ là người cao tuổi nên Đ miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14

Ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc ngày niêm yết bản án . /.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph B ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt